|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2023/QĐ-UBND | *Ninh Thuận, ngày tháng năm 2023* |

**(DỰ THẢO)**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm**

**đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Pháp lệnh Dân số ngày 09 tháng 01 năm 2003;*

*Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 Pháp lệnh Dân số ngày 27 tháng 12 năm 2008;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2011/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi khoản 6 Điều 2 Nghị định số 20/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 của Pháp lệnh Dân số;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số;*

*Căn cứ Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 - 2025;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Ninh Thuận tại Tờ trình số /TTr-SYT ngày tháng năm 2023 và* *ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số /BC-STP ngày tháng năm 2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng: Cộng tác viên dân số đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, thực hiện hoạt động công tác dân số.

**Điều 2. Số lượng, nhiệm vụ, hồ sơ, quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm**

1. Số lượng:

Mỗi thôn/khu phố: 01 cộng tác viên theo quy định tại Điểm d, Khoản 10 Điều 2 Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung chi và mức chi cho công tác Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2023 - 2025.

2. Nhiệm vụ:

Cộng tác viên dân số thực hiện nhiệm vụ được quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

3. Hồ sơ đăng ký xét chọn (01 bộ) gồm:

a) Đơn đăng ký tự nguyện tham gia làm cộng tác viên dân số;

b) Bản sơ yếu lý lịch có dán ảnh, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú trong thời hạn 30 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ;

c) Bản sao trình độ học vấn từ tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên (đối với những thôn khó khăn hoặc có đồng bào dân tộc ít người không đạt trình độ học vấn tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên thì phải có giấy xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học).

4. Quy trình xét chọn và hợp đồng trách nhiệm:

Việc xét chọn cộng tác viên dân số và ký hợp đồng trách nhiệm được thực hiện dựa trên tiêu chuẩn được quy định tại Điều 2 Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế và thực hiện theo quy trình sau:

a) Khi có nhu cầu sử dụng hoặc thay đổi cộng tác viên dân số Trưởng Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (hoặc Trung tâm Y tế huyện, thành phố nơi không có Trạm Y tế) phối hợp Trưởng thôn, khu phố thực hiện công tác phổ biến, vận động, hướng dẫn người có đủ tiêu chuẩn, năng lực, tình nguyện làm cộng tác viên dân số lập hồ sơ theo quy định khoản 3 Điều này; theo đó tổng hợp danh sách đề xuất phê duyệt Cộng tác viên dân số *(theo Phụ lục I đính kèm),* trình Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phê duyệt.

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đề xuất của Trưởng Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (hoặc Trung tâm Y tế huyện, thành phố nơi không có Trạm Y tế) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xem xét ban hành quyết định phê duyệt danh sách cộng tác viên dân số trên địa bàn quản lý;

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định phê duyệt danh sách cộng tác viên dân số của Ủy ban nhân dân cấp xã, Trạm Y tế xã, phường, thị trấn tiến hành ký hợp đồng trách nhiệm cộng tác viên dân số *(theo Phụ lục II đính kèm).*

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Sở Y tế chủ trì, phối hợp Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài chính hướng dẫn xây dựng, kiểm tra việc quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Y tế; Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Khoản 3 Điều 4;  - Bộ Y tế;  - Tổng cục Dân số-KHHGĐ;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - TT Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;  - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Trung tâm CNTT và Truyền thông;  - Cổng thông tin điện tử của tỉnh;- VPUB: LĐ, VXNV, KTTH;  - Lưu: VT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH**  **Nguyễn Long Biên** |